

Số: 49 /BC-VHXH

Bình Định, ngày 02 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề “Tình hình thực hiện Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2020”

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2021, Đoàn giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát chuyên đề “Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020”, kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 03 NĂM (2018 - 2020)

1. Công tác tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ

Triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực thông tin - truyền thông trên địa bàn tỉnh, trong những năm qua trên cơ sở những chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, những quy định của Trung ương và đảm bảo triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ động phối hợp xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành trên 30 văn bản chỉ đạo, điều hành (có Phụ lục số 1 Danh mục văn bản kèm theo), trong đó gồm 03 Chỉ thị, 20 Quyết định và các Kế hoạch phát triển trên từng lĩnh vực của ngành. Đồng thời, triển khai thực hiện một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó có Chương trình chuyển đổi số quốc gia, trong năm 2020 Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức thí điểm triển khai chuyển đổi số, thống nhất lựa chọn mô hình chuyển đổi số phù hợp thực tiễn địa phương, làm cơ sở triển khai thực hiện tốt Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh được chú trọng, đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện trên các lĩnh vực thông tin, tuyên truyền, bưu chính, viễn thông... và tổ chức tập huấn các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước nâng cao công tác quản lý nhà nước lĩnh vực ngành tại cơ sở.

2. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực quản lý

2.1. Về bưu chính

Hiện nay, mạng lưới bưu chính đã phủ kín trên địa bàn tỉnh và duy trì ổn định với 183 điểm phục vụ bưu chính, chuyển phát của Bưu điện tỉnh, Chi nhánh Bưu chính Viettel và 24 chi nhánh của 11 doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực bưu chính, cùng với 122 điểm bưu điện văn hóa xã, đã góp phần tăng chỉ tiêu sản lượng bưu chính hàng năm và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân và doanh nghiệp.

Về thực hiện các chỉ tiêu theo Quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông tỉnh Bình Định:

+ 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các dịch vụ bưu chính công ích với 119 thủ tục hành chính (trừ 03 đơn vị không đăng ký vì các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý không phát sinh hồ sơ giải quyết qua dịch vụ là Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc thuộc UBND tỉnh).

Qua triển khai thực hiện có 94/119 thủ tục hành chính phát sinh số hồ sơ thủ tục hành chính, đến năm 2020 toàn tỉnh thực hiện tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích là 45.106 hồ sơ, chuyển phát kết quả giải quyết thủ tục hành chính là 61.985. Ngoài ra, UBND tỉnh đã triển khai dịch vụ công trực tuyến qua Bưu điện tỉnh với trang <http://dichvucong.binhdinhh.gov.vn> tại 163 điểm giao dịch (trong đó có 121 điểm BĐVHX) để đăng ký hồ sơ trực tuyến khi tham gia giải quyết thủ tục hành chính với 07 TTHC của một số Sở, ngành như: Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Chi cục Thủy sản, Chi cục Thú y...

+ 100% các xã trên địa bàn tỉnh có điểm phục vụ bưu chính.

2.2. Về viễn thông

Thời gian qua, hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh được xây dựng và phát triển tốt, tốc độ truyền dẫn nhanh, an toàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của đại đa số người dân trong tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 05 doanh nghiệp triển khai hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ viễn thông¹ và 04 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet² với tổng số thuê bao điện thoại di động, thuê bao internet di động và dịch vụ internet tăng cao hàng năm³. Các trạm thu phát sóng di động cho các mạng viễn thông (BTS) được đầu tư xây dựng⁴, mở rộng vùng phủ sóng đến với người dân ở vùng sâu, vùng xa và Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020⁵. Hoàn thành hệ thống cáp quang ngầm dưới biển, có độ dài 10.500 km, kết nối 09 quốc gia trong khu vực châu Á thuộc Dự án hệ thống cáp quang biển quốc tế SJC2.

Về thực hiện các chỉ tiêu theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2025:

+ Thực hiện tắt sóng truyền hình tương tự mặt đất đúng lộ trình của Kế hoạch số hóa truyền hình mặt đất trên địa bàn tỉnh; qua đó, có 94,7% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định được hỗ trợ bộ đầu thu truyền hình số.

¹ Gồm: Viễn thông Viettel, VNPT-Vinaphone, Vietnamobile, Gtel-Mobile và Mobifone.

² Gồm: VNPT, FPT, Viettel và Công ty TNHH MTV truyền hình cáp Quy Nhơn.

³ Thuê bao điện thoại di động 3.973.750 thuê bao; thuê bao internet di động có 579.616 (tăng 26% so với năm 2018), thuê bao dịch vụ internet có 212.495 thuê bao (tăng 27% so với năm 2018).

⁴ Trong 3 năm (2018-2020), Sở Thông tin - Truyền thông đã khảo sát và chấp thuận 354 trạm BTS.

⁵ Triển khai chương trình hỗ trợ xây dựng đường truyền internet cho xã vùng cao của tỉnh; phối hợp các đơn vị viễn thông hỗ trợ đường truyền internet, phổ cập thông tin sâu rộng đến các vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh; ngoài ra có 454 (năm 2018: 160 trường, năm 2019: 148 trường, năm 2020: 146 trường) đơn vị trường học được hưởng hỗ trợ đối với dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau của Viettel Bình Định; 05 điểm duy trì và 03 điểm thiết lập mới cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

+ Phát triển 440 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển; khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố, khu vực có lượng khách hàng lớn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng, tăng 110 điểm, đạt 323% so với chỉ tiêu Quy hoạch đề ra.

+ Đến năm 2020 đã có 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn đã phủ sóng thông tin di động.

+ Thực hiện ngầm hóa tổng chiều dài trên 2.600 km các tuyến cáp ngầm viễn thông, chiếm 28,6% toàn mạng cáp so với Quy hoạch tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, phổ đạt 10 - 15%.

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp, đạt trên 85% đảm bảo chỉ tiêu Quy hoạch đề ra.

- Phối hợp với Công ty Điện lực Bình Định thực hiện hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cáp (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) tại các khu vực, tuyến đường, phố chính tại thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, khu vực trung tâm các huyện và khu vực các khu du lịch, khu di tích đến năm 2020 là 159,998 km tuyến đường, dự kiến hết năm 2021 sẽ hoàn thành thêm 41,076 km các tuyến.

2.3. Về ứng dụng công nghệ - thông tin

Ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian qua có những bước phát triển, nhiều chương trình, đề án, kế hoạch quan trọng về chính quyền điện tử, đô thị văn minh, chuyển đổi số được ban hành⁶. Hệ thống văn phòng điện tử kết nối liên thông, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến trong cải cách thủ tục hành chính của tỉnh được các sở, ban, ngành, địa phương triển khai, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin từng bước hoàn thiện; hệ thống máy chủ, thiết bị về an toàn bảo mật thông tin và trang thiết bị công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng và đảm bảo các hệ thống thông tin của tỉnh. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đặt biệt là nhân lực trí tuệ nhân tạo AI của tỉnh được chú trọng⁷.

Về thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020:

- Đến năm 2020, 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh triển khai hệ thống văn phòng điện tử kết nối liên thông đến 190 đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã; có trên 1.125.700 văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh chiếm tỷ lệ trên 95%, hoàn thành mục tiêu đề ra.

⁶ Đề án phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

⁷ Trong 3 năm, đã tham mưu UBND tỉnh thu hút các doanh nghiệp phần mềm lớn như TMA Solutions, FPT Software, FUJINET SYSTEMS đầu tư tại Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa, TP. Quy Nhơn, bước đầu triển khai xây dựng Trung tâm công nghệ phần mềm Bình Định, kết nối các doanh nghiệp CNTT trong xây dựng và sản xuất, xuất khẩu phần mềm.

- 100% cơ quan nhà nước của tỉnh được sử dụng chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp với 100% cán bộ lãnh đạo và 60% công chức được cấp chữ ký số chuyên dùng⁸.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

+ Đã triển khai ứng dụng Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh ở tất cả các sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn với 2.061 (100%) TTHC⁹. Trong đó, có 1.145/2.061 TTHC triển khai ở mức độ 4 chiếm 55,5% (mục tiêu kế hoạch đạt 30%), 1.207/2.061 TTHC mức độ 3 (chiếm 58,5%) và còn lại ở mức độ 2.

+ 100% UBND cấp huyện, UBND cấp xã hoàn thành đưa vào sử dụng phần mềm một cửa điện tử, đảm bảo kết nối liên thông với phần mềm một cửa điện tử đang áp dụng tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

+ 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trang thông tin điện tử.

- Về hạ tầng kỹ thuật:

+ Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh được triển khai, kết nối tới 48 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (đạt 100%). Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đã kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I do Cục Bưu điện Trung ương quản lý, vận hành.

+ Hệ thống thiết bị họp trực tuyến của tỉnh đã kết nối đến 13 điểm cầu¹⁰. Ngoài ra, 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã đầu tư xây dựng Hệ thống thiết bị họp trực tuyến đến xã, kết nối với Hệ thống thiết bị họp trực tuyến của tỉnh.

+ 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện đã xây dựng, triển khai hệ thống mạng LAN, đường truyền kết nối internet băng rộng.

2.4. Về thông tin, báo chí, xuất bản

Trên địa bàn tỉnh hiện có 3 cơ quan báo chí¹¹ với 01 kênh phát thanh, 01 kênh truyền hình quảng bá phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền thiết yếu theo đúng quy hoạch báo chí toàn quốc. Ngoài ra, còn có 05 văn phòng đại diện, 06 phóng viên thường trú, 12 cộng tác viên của các cơ quan báo chí Trung ương, báo ngành và các địa phương khác, với 02 loại hình báo chí là báo in, báo điện tử và 05 đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền¹² với gần 90.000 thuê bao. Trong 03 năm (2018-2020), toàn tỉnh duy trì 122 cơ sở in. Các cơ quan báo chí, cơ sở in, phát hành đều hoạt động ổn định, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Hoạt động các Đài Truyền thanh cơ sở được quan tâm đầu tư sửa chữa, xây dựng mới Đài Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông ở xã, phường, thị trấn. Công tác thông tin, đối ngoại, tuyên truyền biển

⁸ Gồm 684 tổ chức và 2.889 cá nhân CBCCVC có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh.

⁹ Gồm 1.509 TTHC cấp tỉnh, 383 TTHC cấp huyện và 169 TTHC cấp xã.

¹⁰ Văn phòng UBND tỉnh, Sở TT&TT và 11 UBND huyện, thị xã, thành phố.

¹¹ Gồm: Báo Bình Định với hai loại hình báo in và báo điện tử; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định với kênh phát thanh và kênh truyền hình; Tạp chí Văn nghệ Bình Định bản in.

¹² Gồm: Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quý Nhơn, Viễn thông Bình Định, chi nhánh FPT Bình Định, chi nhánh Viettel Bình Định, Mobifone Bình Định

đào, các sự kiện chính trị - kinh tế đảm bảo thực hiện, qua đó góp phần đáp ứng nhiệm vụ chính trị thông tin tuyên truyền và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Về thực hiện một số chỉ tiêu theo Quy hoạch phát triển xuất bản, in, phát hành, xuất bản phẩm tỉnh Bình Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch phát triển, quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh:

- Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh đã xuất bản 43 tác phẩm lịch sử, truyền thống; 04 tuyển tập và hơn 45 tập sách về văn hóa, văn học, nghệ thuật... nhằm phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của tỉnh¹³.

- Thu hút đầu tư ngành nghề có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, trong đó có các ngành nghề thuộc lĩnh vực xuất bản và in tại Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp sắp hình thành trên địa bàn tỉnh¹⁴.

- Tiếp tục duy trì 04 đơn vị phát hành lớn ở TP. Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và tại Khu trung tâm các huyện, thị xã trong tỉnh. Số lượng cơ sở, hộ kinh doanh phát hành 104/159 xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, chỉ đạt 65,4%/ chỉ tiêu 70% xã, phường, thị trấn có nhà sách, điểm phát hành.

- Đến cuối năm 2020, ngừng xuất bản một số tạp chí và chuyển đổi, hợp nhất theo đúng quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc¹⁵.

2.5. Về thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia

- Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững:

Từ năm 2018 đến năm 2020, Sở Thông tin và Truyền thông đã hoàn thành việc triển khai Dự án về “Giảm nghèo thông tin” thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, với tổng kinh phí thực hiện là 3.984 triệu đồng, tập trung các mục tiêu chính là nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác thông tin - truyền thông về công tác giảm nghèo; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo; tăng cường nội dung thông tin, đa dạng hình thức thể hiện đáp ứng yêu cầu công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân (Có phụ lục số 2 kèm theo).

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các ngành, địa phương thường xuyên theo dõi, hỗ trợ, đôn đốc, hướng dẫn các xã xây dựng cơ sở vật

¹³ 04 tuyển tập “Văn trẻ Bình Định (2012-2018)”, “Nhiếp ảnh Bình Định (2012-2018)”, “Mỹ thuật Bình Định (2012-2018)”, “Âm nhạc Bình Định (2012-2018)”; tuyển tập “10 năm văn xuôi Bình Định (2009-2019)”; xuất bản 02 tập sách “Nghệ sĩ, nghệ nhân Bình Định (2011-2020)” và “Văn hóa dân gian Bình Định (2011-2020)”; xuất bản 43 đầu sách là tác phẩm văn học nghệ thuật của tỉnh.

¹⁴ KCN Cát Trinh (S=368,1ha), KCN Bình Nghi (S=228ha), KCN Becamex Bình Định (S=1.000ha), KCN Long Mỹ (giai đoạn 2, S=100ha).

¹⁵ Ngừng xuất bản các tạp chí: Khoa học và Công nghệ, Văn hóa Bình Định, Công đoàn Bình Định; đồng thời, chuyển đổi Tạp chí Khoa học và Công nghệ thành Bản tin Khoa học và Công nghệ; hợp nhất Tạp chí Văn hóa Bình Định và Bản tin Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa thành Bản tin Văn hóa và Thể thao; chuyển Tạp chí Công đoàn Bình Định thành Bản tin Công đoàn Bình Định.

chất để đảm bảo hoàn thành tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông¹⁶. Kết quả, trong 3 năm 2018-2020, Sở đã thẩm định và công nhận 37 xã trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí số 8 - tiêu chí về thông tin và truyền thông. Đến nay, 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo duy trì tiêu chí về thông tin và truyền thông (Riêng xã Nhơn Châu, TP. Quy Nhơn chưa có đường truyền Internet băng rộng cố định).

2.6. Về hoạt động thanh tra, kiểm tra

Sở Thông tin và Truyền thông quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các văn bản chỉ đạo điều hành của cơ quan có thẩm quyền về công tác thanh tra, kiểm tra, công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân.

Trong 3 năm (2018-2020) đã triển khai công tác thanh tra, kiểm tra trên các hoạt động bưu chính, viễn thông, quản lý dịch vụ trò chơi điện tử, hoạt động báo chí... tại một số địa phương, cơ sở theo Kế hoạch. Các cuộc thanh tra, kiểm tra được tiến hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định, kịp thời ban hành các kết luận thanh tra, kiểm tra và đôn đốc các đối tượng thanh tra, kiểm tra chấp hành nghiêm túc kết luận thanh tra.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về hoạt động bưu chính

Mặc dù các dịch vụ bưu chính cơ bản có tốc độ tăng trưởng, tuy nhiên thực hiện một số chương trình, dự án hỗ trợ cộng đồng của các điểm bưu điện văn hóa xã như Chương trình phục vụ sách, báo chưa như mong muốn; một số dịch vụ bưu chính công ích ở cấp cơ sở huyện, xã chưa đạt hiệu quả cao; tiếp nhận và trả kết quả các thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính mới chỉ đạt 57/159 xã, phường, thị trấn có điểm giao dịch cấp xã, trong đó có 19 điểm Bưu điện văn hóa xã.

2. Về hoạt động viễn thông

- Thực hiện một số chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến năm 2020 còn chưa đạt theo quy hoạch, trong đó có chỉ tiêu về sử dụng hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động giữa các doanh nghiệp chỉ đạt 15,8%/30% theo quy hoạch; cải tạo chuyển đổi hệ thống cột ăng ten thu phát sóng loại công kênh (A2) sang loại ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị còn hạn chế. Hạ tầng thu phát sóng loại A2b (loại công kênh) chiếm đa số (78,6% tổng số cột) chủ yếu ở khu vực nông thôn.

¹⁶ Xã có điểm phục vụ bưu chính; Xã có dịch vụ viễn thông, internet; Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn; Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

- Một số vùng chất lượng phủ sóng thông tin di động còn chưa đảm bảo, đến nay vẫn còn 8 thôn, làng trên địa bàn tỉnh¹⁷ chưa có sóng băng rộng di động (dự kiến hoàn thành phủ sóng trong quý II/2022).

- Việc xây dựng Trạm thu phát sóng di động BTS còn khó khăn ở một số địa phương, còn xảy ra tình trạng người dân cản trở, khiếu nại, khiếu kiện ảnh hưởng đến tiến độ triển khai xây dựng trạm BTS trên địa bàn tỉnh¹⁸.

- Tỷ lệ thực hiện ngầm hóa cáp viễn thông còn thấp, một số tuyến đường ngầm hóa chưa đồng bộ, như cùng một tuyến đường nhưng có đoạn cáp đi ngầm, đoạn cáp đi treo hoặc phía bên phải đường đi cáp ngầm, phía bên trái đường đi cáp treo...; một số tuyến đường còn trường hợp hạ tầng công, bề không nằm đúng vị trí, chưa đáp ứng theo tiêu chuẩn xây dựng; một số khu đô thị mới chưa thực hiện ngầm hóa các công trình hạ tầng kỹ thuật.

Đồng thời, việc thực hiện thanh thải, chỉnh trang, bó gọn cáp viễn thông để tăng cường mỹ quan, an toàn và tối ưu hóa dung lượng, tải trọng cáp để có thể chia sẻ, sử dụng chung hệ thống công bố cáp, cột treo cáp tại các khu vực, tuyến đường, phố chính đô thị TP. Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, khu vực trung tâm các huyện còn chưa thực hiện thường xuyên, mất mỹ quan đô thị.

- Công tác phối hợp hướng dẫn, cấp giấy phép tần số cho thiết bị vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá, giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện qua vệ tinh cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh còn gặp khó khăn (hiện còn 681 tàu chưa cấp giấy phép). Nguyên nhân, do tâm lý ngư dân không muốn đăng ký để tránh công khai ngư trường hoạt động, công tác phối hợp tuyên truyền, triển khai thực hiện một số địa phương chưa quyết liệt.

3. Về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ở một số địa phương cấp huyện đối với một số đầu việc còn chậm¹⁹. Số lượng hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích còn rất thấp; một số việc số lượng hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh nhiều nhưng thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích còn ít hoặc có phát sinh hồ sơ nhưng không phát sinh thủ tục hành chính²⁰.

4. Về hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản

- Tình trạng vi phạm pháp luật về thông tin trên các mạng xã hội ngày càng phức tạp; công tác tham mưu giải quyết, xử lý vi phạm nội dung thông tin trên mạng xã hội còn nhiều khó khăn²¹.

¹⁷ Thôn 7, xã An Vinh (Huyện An Lão); Làng Kong Trú, Làng O2, xã Vĩnh Kim (Huyện Vĩnh Thạnh); Làng Canh Tiên, Làng Hà Giao, Làng Cà Bung, Làng Cà Nâu, xã Canh Liên và Thôn Canh Giao, xã Canh Hiệp (Huyện Vân Canh).

¹⁸ Có 9 trường hợp người dân cản trở xây dựng trạm BTS gồm: Thị xã An Nhơn 01 trường hợp; TP. Quy Nhơn 06 trường hợp; Huyện Vĩnh Thạnh 01 trường hợp; Huyện Phù Mỹ 01 trường hợp.

¹⁹ Theo Báo cáo số 216/BC-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện Phù Mỹ và Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện An Lão.

²⁰ Sở Y tế có 01/10 TTHC, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có 01/02 TTHC, UBND huyện Phù Cát có 02/06 TTHC.

²¹ Qua công tác kiểm tra, rà soát thông tin trên mạng, Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành xử lý một số trường hợp vi phạm tiêu biểu về hành vi cung cấp thông tin sai sự thật về dịch bệnh Covid-19 tại TP. Quy Nhơn trên trang facebook cá nhân với số tiền 10.000.000 đồng; xử lý nhắc nhở, cảnh cáo, yêu cầu một số cá nhân gỡ bỏ thông tin sai sự thật, xúc phạm danh dự người khác trên mạng xã hội qua công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Một số Đài Truyền thanh cơ sở trang thiết bị còn lạc hậu, chưa được bổ sung đồng bộ; đội ngũ công tác truyền thanh chưa được tập huấn để tiếp cận sử dụng các trang thiết bị, công nghệ mới.

- Thực hiện lộ trình một số nội dung theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước ở cấp huyện giai đoạn 2016-2020, một số địa phương còn chậm²².

III. NGUYÊN NHÂN NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Nguyên nhân khách quan

- Hiện nay công nghệ thông tin đang phát triển mạnh, văn hóa đọc dường như đã thay đổi, người dân ít còn thói quen đọc sách, báo giấy; bên cạnh đó, việc phối hợp với các ngành liên quan đa dạng hóa các loại hình sách, báo, phương thức đọc nhằm phát triển Bưu điện văn hóa xã trở thành điểm cung cấp thông tin, đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin, văn hóa và giải trí của cộng đồng còn hạn chế, chậm đổi mới. Việc đầu tư, sửa chữa nâng cấp các điểm Bưu điện văn hóa xã còn chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phát triển chưa đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị; đặc điểm địa hình một số huyện miền núi với đồi núi cao nên khó khăn trong phát triển hạ tầng kỹ thuật, do đó đến nay vẫn chưa có sóng băng rộng di động; phương tiện kỹ thuật, nhất là ở cơ sở đã lạc hậu chưa được thay thế, bổ sung kịp thời.

- Một số quy định của Trung ương còn chưa có tính chất bắt buộc và chế tài xử lý, nhất là quy định các doanh nghiệp viễn thông di động chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm...), chủ yếu khuyến khích các doanh nghiệp tự thỏa thuận dùng chung cơ sở hạ tầng, nên thời gian qua việc triển khai thực hiện còn chậm, chưa đạt tỷ lệ theo quy hoạch.

- Hạ tầng viễn thông, điện lực, giao thông... vẫn còn chưa đồng bộ; quản lý viễn thông theo quy định còn thiếu thống nhất, như: Sở Thông tin và Truyền thông quản lý về viễn thông; Sở Công Thương quản lý về điện lực; Sở Xây dựng quản lý không gian, kiến trúc đô thị; Sở Giao thông - Vận tải quản lý hạ tầng giao thông (sử dụng mặt đường, vỉa hè); UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý một số tuyến đường giao thông theo phân cấp nên việc thực thi hạ tầng viễn thông một số lĩnh vực còn chậm.

- Hoạt động tội phạm, vi phạm trên các mạng xã hội thường sử dụng công nghệ cao, tinh vi, am hiểu công nghệ, các cá nhân thiết lập trang thông tin điện tử thông qua việc sử dụng dịch vụ mạng xã hội có hệ thống nước ngoài và sử dụng tên miền quốc tế nên rất khó phát hiện; sự thiếu hiểu biết, nhận thức hạn chế của người dùng mạng xã hội dễ tiếp tay, lan truyền, phát tán thông tin.

²² Theo Báo cáo số 216/BC-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện Phù Mỹ và Báo cáo số 241/BC-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện An Lão.

- Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc UBND cấp huyện tham mưu, quản lý nhiều lĩnh vực nhưng hiện nay biên chế ít; cơ sở vật chất của một số Đài Truyền thanh cấp xã xuống cấp ảnh hưởng đến chất lượng công tác tuyên truyền, thông tin cơ sở ở địa phương.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền về hoạt động cung ứng dịch vụ tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và về ảnh hưởng sóng điện từ đối với sức khỏe của người dân... còn chưa thường xuyên (có thể tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, in phát tờ rơi về sóng điện từ) để người dân sớm nắm bắt thông tin thực hiện, nâng cao chỉ số cải cách hành chính địa phương. Sự phối hợp giữa Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã, thành phố với các doanh nghiệp viễn thông chưa chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xây dựng trạm BTS.

- Công tác cập nhật thông tin và phối hợp giữa các doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan quản lý nhà nước chưa thường xuyên, chưa cung cấp thường xuyên thông tin khoa học cho người dân về sóng điện từ đối với sức khỏe con người, vì vậy có nơi còn diễn ra tình trạng không hợp tác, gây cản trở khiếu kiện trong triển khai xây dựng phát triển trạm BTS một số nơi.

- Một số đơn vị có bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bãi bỏ chưa triển khai kịp thời hoặc các thủ tục hành chính không phát sinh hồ sơ hoặc có phát sinh nhưng không thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nguồn kinh phí và nhân lực công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực thông tin và truyền thông, nhất là ở cấp cơ sở huyện, xã còn khó khăn, trong khi địa phương phải triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, như: đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi ứng dụng công nghệ thông tin của Đài Truyền thanh cơ sở ...

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trên một số lĩnh vực quản lý thông tin và truyền thông theo báo cáo còn ít, chỉ mới tập trung nhiều công tác kiểm tra thường xuyên²³, chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND tỉnh

Để đảm bảo thực hiện tốt Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh và Kế hoạch triển khai xây dựng mô hình điểm đầu tư Đài Truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng lộ trình thực hiện, trong đó có nguồn kinh phí bố trí hàng năm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên, như: thông tin - báo chí, y tế, giáo dục - đào tạo, nông nghiệp, du lịch...

²³ Kiểm tra cấp Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ trò chơi điện tử, hoạt động các điểm phục vụ bưu chính công cộng, an ninh an toàn bưu chính phục vụ Đại hội Đảng các cấp, hoạt động văn phòng đại diện, phòng viên thường trú các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định, quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông; quy định, quy chế ngầm hóa hạ tầng mạng cấp ngoại vi; các quy chế phối hợp xây dựng hạ tầng các ngành điện, cấp nước, thoát nước... và Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin - truyền thông gắn với Quy hoạch chung của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao thông qua hệ thống thư viện tăng cường tiếp nhận các nguồn sách, báo để luân chuyển phục vụ hoạt động đọc sách, báo tại các điểm Bưu điện Văn hóa xã nhằm đảm bảo thực hiện tốt 02 mục tiêu là đẩy mạnh kinh doanh có hiệu quả và thực hiện mục tiêu chính trị, xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin gắn với an toàn an ninh thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; đồng thời có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng lực lượng làm công tác truyền thông, truyền thanh xã để xây dựng Đài Truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên ngành để xử lý các vi phạm trong việc chấp hành các quy định về thông tin, truyền thông, nhất là lĩnh vực quản lý viễn thông di động (thuê bao di động, internet, game online...), hoạt động in, phát hành xuất bản phẩm, hạ tầng viễn thông thụ động và thanh tra xử lý các thông tin vi phạm trên mạng xã hội, như: đăng tải thông tin giả, sai sự thật...

- Phối hợp các ngành liên quan tăng cường hướng dẫn, đề nghị các phương tiện nghề cá làm thủ tục cấp giấy phép tần số cho thiết bị vô tuyến điện đặt trên phương tiện để đảm bảo đúng quy định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số liên quan, góp phần tiếp tục thực hiện hiện đại hóa hành chính, tăng chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm.

- Thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá quy trình, thủ tục hành chính, làm cơ sở xây dựng dịch vụ công trực tuyến, trong đó không đưa vào xây dựng mới các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính từ năm 2018 đến nay không phát sinh hồ sơ (bao gồm cả trường hợp tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến và qua bưu chính) để đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với các sở, ngành, các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong phát triển hạ tầng viễn thông, nhất là xây dựng trạm BTS, xây dựng kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp viễn thông trên phạm vi địa bàn quản lý theo kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Triển khai phủ khắp các điểm cung ứng dịch vụ BCCI tại các xã, phường, thị trấn và các điểm Bưu điện Văn hóa xã gắn với đẩy mạnh công tác

tuyên truyền sâu rộng để người dân tổ chức nắm bắt thông tin, đẩy mạnh dịch vụ BCCI tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bưu điện.

- Tiếp tục thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước, nhất là mở rộng triển khai kết nối liên thông hệ thống văn phòng điện tử đến các xã, phường, thị trấn; kết nối hệ thống hợp trực tuyến từ UBND huyện đến UBND các xã, thị trấn; xây dựng website của UBND xã, thị trấn. Đồng thời, thực hiện tốt việc bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quan tâm bố trí đủ nguồn lực cho Phòng Văn hóa - Thông tin để đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu chuyên sâu thông tin, truyền thông, công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

5. Đối với các đơn vị kinh doanh

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi các cột ăng ten công kênh sang cột thông minh, thân thiện với môi trường, việc ngầm hóa mạng cáp của các doanh nghiệp viễn thông, internet.

- Việc triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông nói chung, xây dựng trạm BTS nói riêng cần tuân thủ, chấp hành nghiêm quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước; tích cực phối hợp với cơ quan, địa phương tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân trong việc xây dựng, phát triển mới hạ tầng viễn thông, đặc biệt trạm BTS. ✓

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/cáo);
- UBND tỉnh; UBKT Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành viên ĐGS của Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Các Sở: TT&TT; VHHT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, CV.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Thị Ngọc Hà

Phụ lục 1
DANH MỤC

CÁC VĂN BẢN THAM MƯU UBND TỈNH BAN HÀNH
GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 49/BC-VHXH ngày 02/12/2021
của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)



| TT | Loại văn bản | Số hiệu | Ngày ban hành | Trích yếu |
|-----------------|--------------|--------------|---------------|--|
| NĂM 2018 | | | | |
| 1. | Chỉ thị | 06/CT-UBND | 16/5/2018 | Chỉ thị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động kinh doanh lưu trú trên địa bàn tỉnh Bình Định. |
| 2. | Quyết định | 1036/QĐ-UBND | 02/4/2018 | Kế hoạch thông tin đối ngoại của tỉnh năm 2018. |
| 3. | Quyết định | 1029/QĐ-UBND | 30/3/2018 | Ban hành Kế hoạch tổ chức Ngày sách Việt Nam lần thứ 5 năm 2018 tại tỉnh |
| 4. | Quyết định | 1846/QĐ-UBND | 01/6/2018 | Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông/Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc tỉnh Bình Định |
| 5. | Quyết định | 2047/QĐ-UBND | 15/6/2018 | Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định năm 2018 |
| 6. | Quyết định | 2035/QĐ-UBND | 14/6/2018 | Kiện toàn Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh Bình Định |
| 7. | Quyết định | 2728/QĐ-UBND | 14/8/2018 | Phê duyệt phương án điều tra, thống kê hộ nghèo, cận nghèo đủ điều kiện được hỗ trợ đầu thu truyền hình số trên địa bàn tỉnh |
| 8. | Quyết định | 3264/QĐ-UBND | 25/9/2018 | Quyết định về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định 308/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về Đề án “Quản lý hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Bình Định |

| | | | | |
|-----------------|------------|-----------------|------------|--|
| 9. | Kế hoạch | 63/KH-UBND | 23/10/2018 | Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định |
| 10. | Kế hoạch | 66/KH-UBND | 30/10/2018 | Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm tỉnh Bình Định giai đoạn 2018-2020 |
| NĂM 2019 | | | | |
| 1. | Chỉ thị | 07/CT-UBND | 17/6/2019 | Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý và phát triển bền vững các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bình Định |
| 2. | Chỉ thị | 08/CT-UBND | 15/7/2019 | Chỉ thị về tăng cường công tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn tỉnh Bình Định |
| 3. | Quyết định | 08/2019/QĐ-UBND | 01/3/2019 | Quyết định ban hành quy định thời gian hoạt động của đại lý Internet, điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định |
| 4. | Quyết định | 47/QĐ-UBND | 05/4/5019 | Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh |
| 5. | Quyết định | 1525/QĐ-UBND | 07/5/2019 | Quyết định kiện toàn Đội liên ngành phòng, chống in lậu tỉnh Bình Định |
| 6. | Quyết định | 43/2019/QĐ-UBND | 08/8/2019 | Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định |
| 7. | Quyết định | 1031/QĐ-UBND | 29/3/2019 | Ban hành Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại tỉnh Bình Định năm 2019-2020 |
| 8. | Quyết định | 47/QĐ-UBND | 05/4/5019 | Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh |

| | | | | |
|-----------------|------------|-----------------|------------|---|
| 9. | Kế hoạch | 26/KH-UBND | 12/4/2019 | Kế hoạch tổ chức Ngày sách lần thứ 6 năm 2019 tại Bình Định |
| 10. | Quyết định | 1899/QĐ-UBND | 06/6/2019 | Kế hoạch triển khai xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định năm 2019 |
| 11. | Quyết định | 2205/QĐ-UBND | 28/6/2019 | Kế hoạch triển khai thực hiện nội dung “Giảm nghèo về thông tin” thuộc Dự án “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” của tỉnh Bình Định năm 2019 |
| NĂM 2020 | | | | |
| 1. | Quyết định | 1465/QĐ-UBND | 20/4/2020 | Kế hoạch triển khai xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định năm 2020 |
| 2. | Kế hoạch | 33/KH-UBND | 22/5/2020 | Kế hoạch triển khai thực hiện nội dung hoạt động “Giảm nghèo thông tin” thuộc Dự án “Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” năm 2020 của tỉnh |
| 3. | Quyết định | 2066/QĐ-UBND | 28/5/2020 | Kế hoạch thực hiện Quyết định số 362/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh |
| 4. | Quyết định | 27/2020/QĐ-UBND | 25/5/2020 | Quy chế hoạt động Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Bình Định. |
| 5. | Quyết định | 58/QĐ-UBND | 17/8/2020 | Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống, thiết bị họp trực tuyến tỉnh Bình Định. |
| 6. | Quyết định | 67/QĐ-UBND | 08/10/2020 | Quy chế quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Định. |

Phụ lục 2
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 49/BC-VHXH ngày 02/11/2021
của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh)

Dvt: triệu đồng

| STT | Nội dung thực hiện trong 03 năm (2018-2020) | Kinh phí được giao | Kinh phí thực hiện |
|-----------|---|--------------------|--------------------|
| A | NĂM 2018 | 650 | 560 |
| 1 | “Hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho các hộ nghèo” | 564 | 481 |
| 2 | Tăng cường nội dung thông tin về cơ sở | 30 | 30 |
| 3 | Biên soạn và xuất bản ấn phẩm thông tin, tuyên truyền | 29 | 29 |
| 4 | Tổ chức giám sát, đánh giá | 20 | 20 |
| B | NĂM 2019 | 2.890 | 2.858 |
| I | Dự án 4: Giảm nghèo về thông tin | 2.860 | 2.828 |
| 1 | <i>Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở.</i> | 200 | 200 |
| 2 | <i>Tăng cường nội dung thông tin về cơ sở:</i> | 1.979 | 1.948 |
| 2.1 | Sản xuất, phát sóng các Chương trình truyền hình tuyên truyền chung cho khu vực 08 tỉnh vùng Nam Trung Bộ | 1.524 | 1500 |
| 2.2 | Sản xuất, phát sóng các Chương trình truyền thanh tại địa bàn tỉnh Bình Định: | 305 | 300 |
| a | <i>Sản xuất chương trình truyền thanh phát sóng tại địa bàn tỉnh Bình Định</i> | 152 | 150 |
| b | <i>Sản xuất chương trình phát sóng trên hệ thống truyền thanh 03 huyện miền núi của tỉnh</i> | 153 | 150 |
| 2.3 | Thực hiện tuyên truyền trên báo in, báo điện tử | 150 | 148 |
| 3 | <i>Trang bị phương tiện thông tin cố định cho các huyện, xã</i> | 660 | 659 |
| 4 | <i>Chi phí khác</i> | 21 | 21 |
| II | Dự án 5: Giám sát, đánh giá và tổ chức hiện tổng kết | 30 | 30 |
| C | NĂM 2020 | 600 | 566 |
| 1 | Dự án 4: Giảm nghèo về thông tin | 570 | 538 |
| | Trang bị phương tiện thông tin cố định cho các xã | 570 | 538 |
| 2 | Dự án 5: Giám sát, đánh giá và tổ chức hiện tổng kết | 30 | 28 |
| | TỔNG CỘNG | 4.140 | 3.984 |